

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC N – ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82/2026/DS-ST
Ngày: 28/4/2026
V/v Tranh chấp dân sự đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC N - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Kim Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Bạch Linh.
- Ông Ngô Văn Dũng.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tân - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực N - tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực N - Đồng Tháp tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/4/2026, tại Phòng xử án Toà án nhân dân Khu vực N - Đồng Tháp xét xử công khai vụ án sơ thẩm thụ lý số: 198/2026/TLST-DS ngày 26/02/2026 về việc “Tranh chấp dân sự đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2026/QĐXXST-DS ngày 09/4/2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số A, ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Đoàn Ngọc T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số A, ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số B, ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Có mặt: Anh H, anh T.

Có đơn xin vắng mặt: Chị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Do chỗ quen biết là anh em cột chèo, nên ngày 06/01/2028 âm lịch, anh H có cho anh Đoàn Ngọc T, chị Nguyễn Thị Bích N vay

mượn 05 chỉ vàng 24K, không lập thành văn bản, không lãi suất, mục đích mua vật liệu làm cửa sắt, khi nào anh H cần thì thông báo trả. Ngày 20/9/2022, anh T, chị N trả 01 chỉ vàng 24K, còn nợ lại 04 chỉ vàng 24K. Anh H đã nhiều lần yêu cầu nhưng anh T, chị N không trả. Do đó, anh H yêu cầu Tòa án xem xét buộc anh Đoàn Ngọc T, chị Nguyễn Thị Bích N có nghĩa vụ liên đới trả anh H 04 chỉ vàng 24K.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đoàn Ngọc T trình bày:
Thông nhất với ý kiến của anh H về việc vay mượn vàng vào ngày 06/01/2018, 05 chỉ vàng 24K, đã trả 01 chỉ vàng 24K. Đối với 04 chỉ vàng 24K còn lại, trước khi ly hôn anh T đã có thỏa thuận với chị N, chị N có nghĩa vụ trả cho anh H 04 chỉ vàng 24K, anh T trả các khoản nợ còn lại, thỏa thuận không lập thành văn bản, không có gì chứng minh. Nên anh T không đồng ý trả cho anh H 04 chỉ vàng 24K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Bích N trình bày:
Thông nhất với ý kiến của anh H về việc vay mượn vàng, thời gian, số lượng và các thỏa thuận khác. Ngày 20/9/2022, chị N đã trả cho anh H 02 chỉ vàng 24K, hiện nay còn nợ lại 04 chỉ vàng 24K. Đây là khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, việc anh T cho rằng thỏa thuận chị N sẽ trả khoản nợ này là không đúng, nên không đồng ý. Đây là nợ chung nên chị N đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả với anh T trả cho anh H 04 chỉ vàng 24K.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Văn H trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Anh Đoàn Ngọc T trình bày: Không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực N – Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn yêu khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án dân sự Thẩm phán, Thư ký, cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Đương sự chấp hành pháp luật đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh H, buộc anh T và chị N có nghĩa vụ liên đới trả cho anh H 04 chỉ vàng 24K, án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Anh Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu anh T và chị N có nghĩa vụ liên đới trả cho anh H là 04 chỉ vàng 24K cho mượn năm 2018 âm lịch, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS), Điều 155, 166 Bộ luật Dân sự năm 2015 (viết tắt BLDS) xác định

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và quan hệ pháp luật là: Tranh chấp dân sự đòi lại tài sản.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh H đăng ký cư trú tại: Số A, ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực N - Đồng Tháp theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[1.3] Sự vắng mặt đương sự: Chị Nguyễn Thị Bích N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt ngày 08/4/2026. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị N theo quy định tại các Điều 227, 228 BLTTDS.

[1.4] Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T trình bày năm sinh 1983, địa chỉ: Số A, ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp là phù hợp với căn cước công dân của anh T xuất trình. Anh H là nguyên đơn xác định anh T là bị đơn, do giao dịch không lập giấy tờ nên thông tin theo đơn khởi kiện chưa chính xác, do đó thống nhất với lời trình bày của T. Đại diện Viện kiểm sát trình bày: đương sự có mặt tại phiên tòa thống nhất thông tin và phù hợp với giấy tờ nhân thân nên đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh lại thông tin bị đơn là phù hợp nên chấp nhận.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Căn cứ phát sinh nghĩa vụ dân sự là hợp đồng vay tài sản: Các đương sự đều thừa nhận ngày 06/01/2018 âm lịch, do là anh em cột chèo nên anh H có cho vợ chồng anh T, chị N mượn 05 chỉ vàng 24K, không lập thành văn bản, không tính tiền lãi, thời hạn khi nào anh H cần hoặc anh T, chị N có vàng sẽ trả là tình tiết không cần chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 BLTTDS. Như vậy, hợp đồng dân sự cho vay tài sản giữa anh H và anh T, chị N đã xác lập xong theo quy định tại Điều 463. Anh H đã giao 05 chỉ vàng 24K cho anh T, chị N xong, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự, có giá trị ràng buộc trách nhiệm đối với các bên.

[2.2] Nghĩa vụ trả lại tài sản:

Xét thấy các đương sự thừa nhận, đây là nợ chung trong thời kì hôn nhân giữa anh T, chị N. Ngày 20/9/2022 chị N, anh T đã trả cho anh H 01 chỉ vàng 24K, đến nay còn nợ lại 04 chỉ vàng 24K. Đối với anh T cho rằng khi ly hôn, anh T và chị N có thỏa thuận bằng lời nói: chị N có nghĩa vụ trả khoản nợ này, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Mặt khác, chị N không thừa nhận, ngược lại chị N thống nhất có nghĩa vụ liên đới cùng anh T trả nợ cho anh H. Phía người có quyền lợi là anh H không đồng ý với ý kiến của anh T. Mặt khác, theo Quyết định ly hôn số 100/2025/QĐCNTTLH ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực N – Đồng Tháp chưa giải quyết vấn đề về nợ chung khi ly hôn. Cho nên ý kiến của anh T là không có căn cứ.

Từ những phân tích trên, anh H yêu cầu đòi lại tài sản là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc anh T và chị N có nghĩa vụ liên đới trả cho anh H 04 chỉ vàng 24K theo quy định tại Điều 265, 266, 274, 276, 579 BLDS.

[2.3] Các yêu cầu khác: Không có.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực N – Đồng Tháp đề nghị là phù hợp với những phân tích trên nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh T và chị B phải chịu 3.300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (giá vàng tại thời điểm xét xử là 16.500.000 đồng 01 chỉ vàng 24K x 4 chỉ vàng x 5%).

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 146, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 155, 166, 265, 266, 274, 276, 463, 579 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H:

Buộc anh Đoàn Ngọc T, chị Nguyễn Thị Bích N có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Văn H 04 chỉ vàng 24K.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại 1.403.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0002714 ngày 24/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Anh Đoàn Ngọc T, chị Nguyễn Thị Bích N phải chịu 3.300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

- Anh Nguyễn Văn H, anh Đoàn Ngọc T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Chị Nguyễn Thị Bích N có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực N – Đồng Tháp;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THADS Khu vực N – Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (kx).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thị Kim Xuyên